always 总是 zǒng shì	usually 通常 tōngcháng	frequently 频繁 pínfán
often 经常 jīngcháng	sometimes 有时候 yǒu shíhòu	occasionally 偶尔 ǒu'ěr
seldom 很少 hěn shǎo	hardly 几乎不 jīhū bù	never 从不 cóng bù

TouchChinese
LIVEWORKSHEETS